

Số: 44/2025/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 217/BC-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp xã;
- Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Điều 3. Mức chi hỗ trợ cho công chức được cử đi đào tạo trong nước

Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị quản lý công chức sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ cho công chức được cử đi đào tạo các khoản chi quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC đảm bảo

nguyên tắc: Các khoản chi phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, đối với các nội dung chi thuộc chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị; chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Mức chi cho công tác bồi dưỡng công chức trong nước

1. Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên trong nước (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng)

a) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bộ trưởng; Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: Mức tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi;

b) Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng; Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh tương đương; Giáo sư; Tiến sĩ; Chuyên gia cao cấp: Mức tối đa 1.800.000 đồng/người/buổi;

c) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ và cơ quan Trung ương; Phó Giáo sư: Mức tối đa 1.500.000 đồng/người/buổi;

d) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc sở, thủ trưởng, phó thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh và các chức danh tương đương: Mức tối đa 1.200.000 đồng/người/buổi;

đ) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương: Mức tối đa 800.000 đồng/người/buổi;

e) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Mức tối đa 600.000 đồng/người/buổi;

g) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị cấp xã: Mức tối đa 400.000 đồng/người/buổi;

h) Đối với trợ giảng trong nước: Bằng 30% mức chi tiền công đối với giảng viên, báo cáo viên tương đương.

2. Chi hỗ trợ tiền ăn: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND.

3. Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ: Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng trong nước mà phải đi thuê thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Đối với giảng viên nước ngoài, các giảng viên cơ hữu làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng

công chức: Mức chi tiền công; hỗ trợ tiền ăn; chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Chi dịch thuật: Thực hiện mức chi dịch thuật theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Chi giải khát giữa giờ phục vụ lớp học: Tối đa 30.000 đồng/người/ngày.

7. Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi: Áp dụng mức chi tiền công ra đề thi, coi thi, chấm thi đối với thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và trong phạm vi dự toán cấp có thẩm quyền giao.

8. Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: Mức tối đa 200.000 đồng/học viên.

9. Các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học

a) Chi thuê hội trường, phòng học; trang trí hội trường, phòng học (maket, hoa): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thuê/mua thiết bị phục vụ bồi dưỡng (nếu có), bao gồm thiết bị công nghệ thông tin, đường truyền, tài khoản trực tuyến (account) cho học viên (nếu có), chi tạo lập mới hoặc thuê hệ thống phục vụ bồi dưỡng trực tuyến, chi mua các tài khoản trực tuyến trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ xây dựng các tài liệu, các chi phí trực tiếp khác về công nghệ thông tin đối với hình thức bồi dưỡng trực tuyến: Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bồi dưỡng công chức căn cứ sự cần thiết quyết định việc mua sắm theo phân cấp quản lý; tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về mua sắm, đấu thầu, chứng từ, hóa đơn, các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý tài sản công.

c) Chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); chi in và cấp chứng chỉ; Chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên: Tùy theo từng lớp bồi dưỡng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng cán bộ, công chức quyết định các mức chi cụ thể phù hợp trong phạm vi kinh phí được giao.

d) Chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu thực hành đối với các lớp học cần sử dụng vật tư, nguyên nhiên vật liệu thực hành: Theo thực tế phát sinh tại các hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và trong phạm vi dự toán của cấp có thẩm quyền giao.

10. Chi phí tổ chức đi khảo sát, thực tế theo yêu cầu của chương trình đào tạo, bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền ban hành:

a) Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế và trong phạm vi dự toán của cấp có thẩm quyền giao.

b) Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế: Hỗ trợ tối đa 50% mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và trong phạm vi dự toán của cấp có thẩm quyền giao.

c) Chi thuê hội trường và các thiết bị đi kèm; tiền tài liệu, văn phòng phẩm, nước uống, thuốc y tế thông thường; tiền công, phụ cấp tiền ăn, phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng, dịch thuật và các khoản chi cần thiết khác phục vụ khảo sát, thực tế (nếu có) theo quyết định đi khảo sát, thực tế của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

11. Chi biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng mới; chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, tài liệu bồi dưỡng:

a) Tiền công viết tài liệu: 70.000 đồng/trang chuẩn (trang A4, thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định hiện hành đối với văn bản hành chính);

b) Tiền công sửa chữa, biên tập tổng thể: 40.000 đồng/trang chuẩn;

c) Tiền công thẩm định và nhận xét: 30.000 đồng/trang chuẩn;

d) Trường hợp xây dựng, biên soạn tài liệu bằng tiếng dân tộc thiểu số các lớp bồi dưỡng có thời gian dưới 05 ngày, mức chi cao hơn 30% so với các mức chi tại điểm a, b, c khoản này.

12. Chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng: Tối đa 5% trên tổng kinh phí của mỗi lớp học.

13. Chi số hóa tài liệu phục vụ bồi dưỡng trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

14. Chi hỗ trợ cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo:

a) Chi phí đi lại từ trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã đến nơi học tập trong trường hợp địa điểm đào tạo ở xa trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã từ 15km trở lên: 200.000 đồng/người/khóa học.

b) Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ trong trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo không bố trí chỗ ở cho các học viên:

Các phường thuộc tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày.

Các xã thuộc tỉnh: 250.000 đồng/người/ngày.

15. Mức chi hỗ trợ cho công chức được cử đi bồi dưỡng trong nước

Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị quản lý công chức sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ cho công chức được cử đi bồi dưỡng các khoản chi phí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC của

Bộ trưởng Bộ Tài chính đảm bảo nguyên tắc: Các khoản chi hỗ trợ không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập; căn cứ nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức quy định tại Điều 4 Nghị quyết này; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập nhưng tối đa không vượt quá mức chi quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

Điều 6. Mức chi liên quan tới đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức

1. Chi tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phù hợp với vị trí việc làm sử dụng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

c) Chi văn phòng phẩm, các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức: Theo chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ theo quy định hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2026

2. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 52/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định mức chi cho công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

b) Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

c) Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng

nhân dân tỉnh Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Bãi bỏ số thứ tự 21, số thứ tự 33 Mục II Phụ lục III, số thứ tự 24 Mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được viện dẫn để áp dụng trong nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

5. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

6. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề lần thứ năm thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hầu Minh Lợi